

TÒA ÁN NHÂN DÂN
huyện D
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-5-2022.

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện D - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hải;
Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông K' Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2021/TLST- HNGĐ ngày 04-11-2021 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-3-2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Lâm T; sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 74 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thới D; sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 03 Lê Hồng Ph, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Lâm T trình bày: Bà và ông D tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đầu năm 2020 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhã Đan Ph, sinh ngày 15-4-2011 và Nguyễn Thới Bảo Ph, sinh ngày 21-10-2012; hiện nay bà đang mang thai tháng thứ 7 nhưng không phải mang thai con chung với ông

Nguyễn Thới D. Khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Thới D trình bày: Công nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng.

Vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Khi ly hôn, ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph, đồng ý giao cháu Phương cho bà T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay bà T đang có thai sắp đến kỳ sinh, việc chăm sóc các con sẽ không đảm bảo nên ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. bà T hiện đang mang thai nhưng không phải mang thai con chung của vợ chồng vì vợ chồng đã sống ly thân.

Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; 53; 55; 81;82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị Lâm T, công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Dũng; giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông D tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đầu năm 2020 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà T xin ly hôn; ông D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai cùng thỏa thuận thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông

Đã phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhã Đan Ph, sinh ngày 15-4-2011 và Nguyễn Thới Bảo Ph, sinh ngày 21-10-2012, hiện đang sống với bà T từ tháng 02-2022 đến nay và đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ. Khi ly hôn, bà T và ông D đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng trên của các bên là nguyện vọng chính đáng, người nào cũng có điều kiện để nuôi con; hiện nay bà T đang mang thai tháng thứ 7, cả hai bên cùng xác nhận không phải mang thai con chung của vợ chồng nên không đề cập giải quyết. Xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng con của mỗi bên và để đảm bảo cuộc sống cho con. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Giao con chung tên Nguyễn Nhã Đan Ph, sinh ngày 15-4-2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Thới Bảo Ph, sinh ngày 21-10-2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản là phù hợp.

[3] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đề cập giải quyết về tài sản là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 55; 81; 82; 83; 84 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Lâm T và ông Nguyễn Thới D.

2) Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Nhã Đan Ph, sinh ngày 15-4-2011 cho bà Trương Thị Lâm T trực tiếp nuôi dưỡng;

Giao con chung tên Nguyễn Thới Bảo Ph, sinh ngày 21-10-2012 cho ông Nguyễn Thới D trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3) Về án phí: Bà Trương Thị Lâm T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006281 ngày 04-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.(bà T đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS Di Linh;
- UBND thị trấn Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đới Văn Học